



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 21 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 02255902

Mã TTV: 5058

Số CT: 81771

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 4002 -CTY COLD VIET NAM		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 21 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 02270619

Mã TTV: 5057

Số CT: 26780

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	7.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.700
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.2101260126529004.+BHXH+103+00+TU1428U+07925+Dong BHXH+		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 21 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 02291471

Mã TTV: 5058

Số CT: 82300

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	92.299
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		92.299
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	9.230
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		101.529
Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm linh một nghìn năm trăm hai mươi chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 183,184,185 NGÀY 13 VA 15.9.2025		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 21 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 02291929

Mã TTV: 5058

Số CT: 85341

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	60.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		60.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	6.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		66.000
Số tiền bằng chữ (In words) Sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): DAT COC HD SO 21012026/TL-NT/2026/HDMB-CTY THANG LONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 23 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 02468210

Mã TTV: 5056

Số CT: 61732

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	7.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.700
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.2301260440451002.CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)

✓ **Signature Valid**
Được ký bởi: **NGÂN HÀNG TMCP**
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Ngày ký: **24/01/2026**



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 23 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 02511063

Mã TTV: 5058

Số CT: 51848

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CTY NGOC THOM 0309391503 TT GIA HAN BL OOLU2313925450 HET 25,1-cty OOCL		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 25 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00068743

Mã TTV: 5087

Số CT: 49000

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUODUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	132.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		132.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	13.200
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		145.200
Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.202601255087091311.		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 25 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00206637

Mã TTV: 5087

Số CT: 49002

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	226.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		226.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	22.600
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		248.600
Số tiền bằng chữ (In words) Hai trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.202601255087091312.		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 25 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00070302

Mã TTV: 9402

Số CT: 12468207

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THU PHI QLTK TO CHUC-VND		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 25 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00206744

Mã TTV: 9402

Số CT: 1027349624

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THU PHI QLTK TO CHUC-VND		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 25 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00206967

Mã TTV: 9401

Số CT: 1063585624

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1063585624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): USD Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 26208

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	1
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		1
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	0,1
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		1,1
Số tiền bằng chữ (In words) Một US DOLLAR và mười cent chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THU PHI QLTK TO CHUC- USD		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)



**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI**Mã số thuế (Tax Code): **0 1 0 0 1 1 2 4 3 7 - 1 4 5**

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **00211734**

Mã TTV: 1001

Số CT: 252432

Tên khách hàng (Customer's name): **CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062068299 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	994.515
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		994.515
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		994.515
Số tiền bằng chữ (In words) Chín trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm mười lăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062068299		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00211735

Mã TTV: 1001

Số CT: 252439

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061749433 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	155.865
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		155.865
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		155.865
Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061749433		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

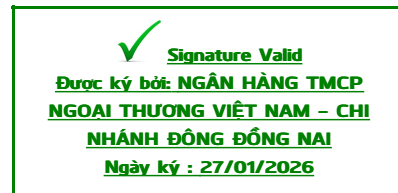
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)



**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI**Mã số thuế (Tax Code): **0 1 0 0 1 1 2 4 3 7 - 1 4 5**

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **00212476**

Mã TTV: 1001

Số CT: 252434

Tên khách hàng (Customer's name): **CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061966536 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.819.284
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.819.284
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.819.284
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu tám trăm mười chín nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061966536		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

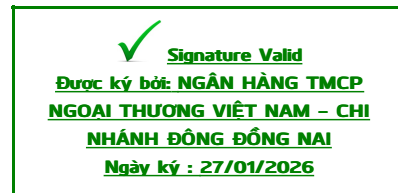
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00212477

Mã TTV: 1001

Số CT: 252435

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062805233 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	4.346.485
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		4.346.485
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		4.346.485
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062805233		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

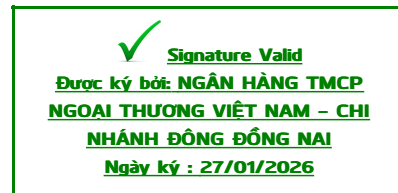
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00212478

Mã TTV: 1001

Số CT: 252442

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062576676 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	4.628.456
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		4.628.456
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		4.628.456
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062576676		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

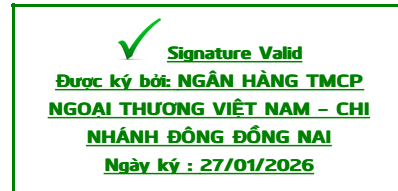
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)



**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI**Mã số thuế (Tax Code): **0 1 0 0 1 1 2 4 3 7 - 1 4 5**

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **00212816**

Mã TTV: 1001

Số CT: 252444

Tên khách hàng (Customer's name): **CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061838926 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	1.181.500
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		1.181.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		1.181.500
Số tiền bằng chữ (In words) Một triệu một trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061838926		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

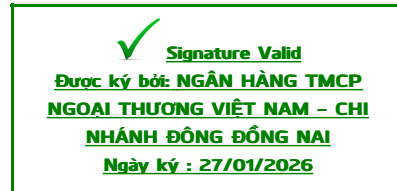
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00213312

Mã TTV: 1001

Số CT: 252433

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001063384139 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.317.375
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.317.375
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.317.375
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu ba trăm mười bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1063384139		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

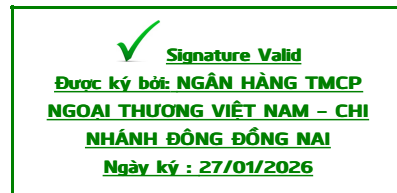
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00213313

Mã TTV: 1001

Số CT: 252441

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061864860 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	8.933.922
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		8.933.922
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		8.933.922
Số tiền bằng chữ (In words) Tám triệu chín trăm ba mươi ba nghìn chín trăm hai mươi hai đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061864860		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00214092

Mã TTV: 1001

Số CT: 252438

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUĐUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062771765 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	54.089
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		54.089
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		54.089
Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi bốn nghìn không trăm tám mươi chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062771765		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

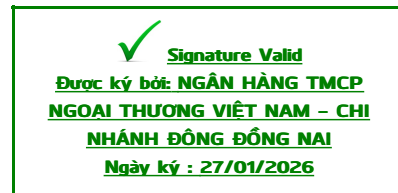
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00214198

Mã TTV: 1001

Số CT: 252430

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061678967 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.213.487
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.213.487
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.213.487
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu hai trăm mười ba nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061678967		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

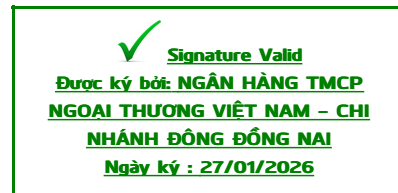
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00214199

Mã TTV: 1001

Số CT: 252436

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001063653925 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.365.069
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.365.069
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.365.069
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1063653925		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00214200

Mã TTV: 1001

Số CT: 252443

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062794165 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	5.560.859
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		5.560.859
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		5.560.859
Số tiền bằng chữ (In words) Năm triệu năm trăm sáu mươi nghìn tám trăm năm mươi chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062794165		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

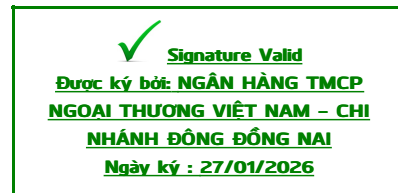
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00214879

Mã TTV: 1001

Số CT: 252445

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061839979 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	4.967.109
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		4.967.109
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		4.967.109
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm linh chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061839979		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

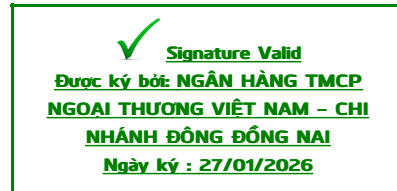
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00214979

Mã TTV: 1001

Số CT: 252429

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061936468 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	105.427
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		105.427
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		105.427
Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm linh năm nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061936468		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

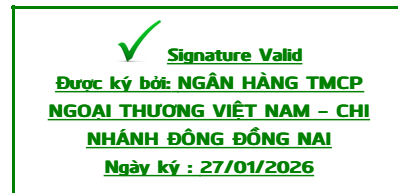
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00215359

Mã TTV: 1001

Số CT: 252431

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062834380 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	4.315.938
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		4.315.938
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		4.315.938
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn triệu ba trăm mười lăm nghìn chín trăm ba mươi tám đồng chẵn /		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062834380		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

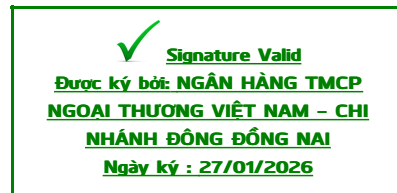
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00215366

Mã TTV: 1001

Số CT: 252437

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001062646660 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.699.871
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.699.871
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.699.871
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi một đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1062646660		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

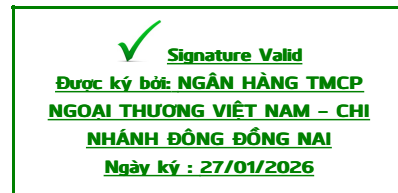
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 26 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00215367

Mã TTV: 1001

Số CT: 252440

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001063800808 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	727.464
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		727.464
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		727.464
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1063800808		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

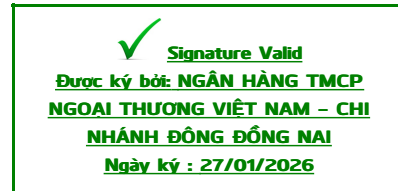
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 27 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00221110

Mã TTV: 4

Số CT: 141

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	439.296
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		439.296
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	43.930
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		483.226
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn trăm tám mươi ba nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN THEO GNN 50		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 28 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 02956686

Mã TTV: 5058

Số CT: 27335

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 43 VA 71 CTY VIET LONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 28 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00077919

Mã TTV: 9917

Số CT: 30724

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	100.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		100.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	10.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		110.000
Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm mười nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THU PHI DUY TRI DỊCH VỤ VCB IBANKING NAM 2025. SO TIEN 110000 VND		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 28 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00226881

Mã TTV: 4

Số CT: 45

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	282.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		282.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	28.200
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		310.200
Số tiền bằng chữ (In words) Ba trăm mười nghìn hai trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN THEO GNN 51		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 29 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 03054549

Mã TTV: 5058

Số CT: 36528

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	25.480
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		25.480
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.548
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		28.028
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi tám nghìn không trăm hai mươi tám đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): DAT COC HD 28012026/HDMB-TL FOOD-NT/2026-CTY TL FOOD		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 29 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 03094589

Mã TTV: 5058

Số CT: 39025

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	36.372
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		36.372
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	3.637
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		40.009
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn mươi nghìn không trăm linh chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 5113-CTY THIEN VUONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 30 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 03183466

Mã TTV: 5058

Số CT: 2853

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	37.481
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		37.481
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	3.748
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		41.229
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 5437-CTY THIEN VUONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 30 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00239690

Mã TTV: 4

Số CT: 144

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	246.684
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		246.684
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	24.668
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		271.352
Số tiền bằng chữ (In words) Hai trăm bảy mươi một nghìn ba trăm năm mươi hai đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN THEO GNN 52		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 03638795

Mã TTV: 5058

Số CT: 60551

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 092-CTY NAM TUOI		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 03 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/2/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 03739971

Mã TTV: 5058

Số CT: 82530

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOAN NOI BO		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)

